

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 180/2020/DS-PT

Ngày: 09-7-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Phước Hội

*Các Thẩm phán:*

Ông Đinh Chí Tâm

Bà Trương Thị Bích Thủy

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*** Ông Phan Trung Quốc- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29/6; ngày 09/7/2020, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 94/2020/TLPT- DS ngày 10 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 21/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 215/2020/QĐPT-DS ngày 07 tháng 5 năm 2020 giữa:

***1. Nguyên đơn:*** Công ty cổ phần VA.

Trú tại: Số 54, ấp Tân Bình, xã TT, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

- ***Người đại diện theo pháp luật*** là ông Nguyễn Nhựt H; Chức vụ: Giám đốc Công ty.

- *Người đại diện theo ủy quyền* là ông Ngô Hồng T, sinh năm: 1974, trú tại: 206/102, Trần Phú, Phường CK, Quận NK, thành phố CT (theo văn bản ủy quyền ngày 26/8/2016) (có mặt).

2. *Bị đơn*: Nguyễn Hùng C, sinh năm: 1970; trú tại: 01, ấp Long Thành, xã HL, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp ) (có mặt).

3. *Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Phạm Thị T1, sinh năm: 1969; trú tại: 159/10, Phạm Thái Bường, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Ngô Minh C1, sinh năm: 1966; trú tại: 131/5, ấp Hòa Khánh, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.3. Nguyễn Ngọc T2, sinh năm: 1978; trú tại: 229, ấp Mỹ Quới, xã Mỹ ĐĐ, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

3.4. Ngô Minh N, sinh năm: 1961; trú tại: 350/5, ấp Hòa Khánh, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.5. Nguyễn Văn N1, sinh năm: 1971; trú tại: 127/5, ấp Hòa Khánh, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.6. Nguyễn Phước N2, sinh năm: 1954; trú tại: 273/2, ấp Long Khánh, xã LH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.7. Dương Thị Thanh K1, sinh năm: 1968; trú tại: 227, ấp Phước Lộc, phường TL, quận TN, TP. Cần Thơ.

3.8. Đặng Ngọc X, sinh năm: 1952; trú tại: 839, ấp Tân Lợi, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.9. Nguyễn Văn H1, sinh năm: 1963; trú tại: 384A, ấp Tân An, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

3.10. Nguyễn Văn T3 (Lắm), sinh năm: 1963; trú tại: 504A/2, ấp Hòa Tân, xã TH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.11. Ngô Minh T4, sinh năm: 1966; trú tại: 129A, ấp Hòa Khánh, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.12. Lê Văn C2, sinh năm: 1963; trú tại: 97A/5, ấp Hòa Khánh, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.13. Nguyễn Văn K2, sinh năm: 1950; trú tại: 108/4, ấp Hòa Tân, xã TH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.14. Nguyễn Thành Đ, sinh năm: 1965; trú tại: 768D, ấp Tân Lợi, xã TT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.15. Phạm Văn T5, sinh năm: 1957; trú tại: 79, Khóm 6, Phường 6, thành phố CL, tỉnh Đồng Tháp ) (có mặt).

3.16. Nguyễn Văn L, sinh năm: 1947; trú tại: 46/3, ấp Hòa Tân, xã TH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.17. Võ Ngọc H2, sinh năm: 1959; trú tại: ấp An Hòa, xã Mỹ An Hưng B, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.18. Lê Xuân L1, sinh năm: 1960; trú tại: 319A, Khóm 2, thị trấn LV1, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

3.19. Nguyễn Văn P, sinh năm: 1961; trú tại: 308B/4216, Ấp Vĩnh Lợi, xã VT1, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.20. Nguyễn Văn N3, sinh năm: 1967; trú tại: Số 155, ấp An Bình, xã ĐY, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.21. Huỳnh Văn N4, sinh năm: 1969; trú tại: Số 152, đường Tự Do, khu vực Long Thành A, phường TN, quận TN, TP. Cần Thơ.

3.22. Nguyễn Văn C3, sinh năm: 1970; trú tại: Số 54, ấp Tân Bình, xã TT, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp; tạm trú: 03, Trần Khắc Chung, phường ĐX, thành phố LX, tỉnh An Giang.

3.23. Nguyễn Văn H3, sinh năm: 1970; trú tại: 19, ấp Long Thành, xã HL, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

3.24. Lâm Văn T6, sinh năm: 1950; trú tại: 144/2, ấp Định Phong, xã ĐH, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

3.25. Công ty Cổ phần Nam Bộ; trú tại: Số 520, ấp Vĩnh Tường I, xã CP, thị xã TC, tỉnh An Giang.

3.26. Công ty TNHH QC.

- *Người đại diện theo pháp luật* là ông Lê Ngọc M, sinh năm: 1950; Chức vụ: Giám đốc Công ty; Trú tại: 37, ấp Thanh Mỹ 1, xã TĐ, huyện LH1, tỉnh Vĩnh Long ) (có đơn xin vắng mặt).

3.27. Nguyễn Văn V, sinh năm: 1961; trú tại: 12, đường Lưu Văn Liệt, Phường 2, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

3.28. Lâm Văn H2 (Hòa), sinh năm: 1959; trú tại: 143/2, ấp Định Phong, xã ĐH, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

3.29. Đào Kim C4, sinh năm 1964; trú tại: Số 003, ấp Long Thành 1, phường TN, quận TN, TP. Cần Thơ.

3.30. Huỳnh Nguyễn Bạch T7, sinh năm 1966; trú tại: RR1, đường Hồng Lĩnh, Cư xá Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

### 3.31. Doanh nghiệp tư nhân TP.

- *Người đại diện theo pháp luật* là ông Trần Bá P1, Chức vụ: Giám đốc  
- Chủ doanh nghiệp; trú tại: Số 552 KDC, Khóm 4, thị trấn LV1, huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

(những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại vắng mặt).

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Hùng C là nguyên đơn.

5. *Người kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LV1.

### NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Công ty cổ phần VA (gọi tắt là Công ty VA ) trình bày: Thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 6/2009 giữa Công ty VA với ông C có làm hợp đồng mua bán thức ăn thủy sản, cụ thể ông C mua thức ăn thủy sản của Công ty VA để nuôi cá và bán lại cho những hộ nuôi cá khác để hưởng phần huê hồng. Hai bên không lập hợp đồng mua bán bằng văn bản mà chỉ mua bán hàng qua điện thoại, hình thức mua bán là khi có nhu cầu ông C đặt hàng với Công ty VA, sau đó Công ty sẽ xuất hàng cho ông C theo yêu cầu, phương thức thanh toán là ông C thanh toán tiền trước mới nhận hàng sau, cũng có khi nhận hàng xong mới thanh toán tiền sau. Tổng cộng ông C đã mua của Công ty VA là 2.551.220kg thức ăn thủy sản các loại. Tổng giá trị thành tiền là 19.515.028.000đ.

Quá trình mua bán từ ngày 02/4/2008 đến ngày 31/12/2010 ông C đã thanh toán cho Công ty VA tổng cộng được 12.970.153.000đ, theo thư xác nhận nợ ngày 31/12/2010 ông C còn nợ Công ty VA 6.544.875.000đ, đến ngày 23/02/2011 ông C thanh toán cho Công ty VA 100.000.000đ.

Theo bảng đối chiếu công nợ chi tiết từ ngày 01/4/2011 đến 30/4/2011 số tiền ông C ký nhận nợ là 6.444.875.000đ. Đến ngày 20/5/2011 ông C thanh toán thêm cho Công ty VA 200.000.000đ. Tổng cộng ông C đã thanh toán cho Công ty 13.270.153.000đ, ông C còn nợ lại Công ty VA tổng cộng số tiền 6.244.875.000đ.

Việc ông C xin rút yêu cầu phản tố đối với 06 chứng từ gồm:

1. Chứng từ số 0172091, ngày 27/02/2009 với số tiền là 64.000.000đ của Công ty cổ phần NB huyện CP1, An Giang.

2. Chứng từ số 0089509, ngày 25/3/2009 với số tiền 508.524.000đ của ông Nguyễn Văn V.

3. Chứng từ số 0160251, ngày 24/4/2009 với số tiền là 328.250.000đ của Công ty TNHH QC.

4. Chứng từ số 160252 ngày 24/4/2009 với số tiền là 196.500.000đ của bà Đào Kim C4.

5. Chứng từ số 0160299, ngày 30/5/2009 với số tiền là 1.850.750.000đ của ông Lâm Văn H2.

6. Chứng từ số 0157676, ngày 30/6/2009 với số tiền là 654.400.000đ của ông Lâm Văn T6 Công ty cổ phần VA không có ý kiến gì.

Ông C cho rằng 06 chứng từ này là không có liên quan gì đến ông C, trong quá trình mua bán thức ăn giữa Công ty VA với ông C, Công ty xuất hàng theo đơn đặt hàng của ông C, trong hóa đơn chứng từ ghi tên những người nêu trên cũng là do ông C yêu cầu ghi tên ai thì Công ty ghi tên theo yêu cầu của ông C, ngoài ra Công ty VA không có bán trực tiếp cho những người có tên trong chứng từ. Mặt khác, giữa Công ty VA và ông C đã có 06 lần đối chiếu công nợ, tất cả đều có chữ ký xác nhận của ông C, thì đều có số nợ của 06 chứng từ nêu trên.

Công ty VA xuất kho cho ông C có phiếu xuất kho ghi tên Nguyễn Hùng C là đơn vị nhận còn người ký nhận hàng là ông Nguyễn Văn H3, Đoàn Thanh L1, Nguyễn Hoàng L2, Võ Phước L3, Dương Văn H6, Trương Thái H5, Nguyễn Văn Đ, Trần Văn S, Trần Trung H7, Bùi Vĩnh T8, Dương Văn H6, Nguyễn Văn M, Phạm Thanh T9, Mai Thị C5, Nguyễn Hữu N5, Nguyễn Hồng D, Nguyễn Ngọc B.

Đối với ông Ngô Minh C1, Nguyễn Văn H, Ngô Minh T4, Phạm Thị T1, Nguyễn Ngọc T2, Nguyễn Văn N1, Nguyễn Phước N2, Dương Thị Thanh K1, Đặng Ngọc X, Lê Văn C2, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn N, Nguyễn Văn T3, Nguyễn Văn L, Ngô Minh N, Nguyễn Thành Đ, Phạm Văn T5, Võ Ngọc H2, Lê Xuân L1, Nguyễn Văn P, Huỳnh Nguyễn Bạch T7, Công ty NB, Công ty QC, Nguyễn Văn V, Đào Kim C4, Lâm Văn H3 (Hòa), Lâm Văn T6 mà ông C cho rằng là những người này mua thức ăn trực tiếp, nợ tiền của Công ty VA là không đúng. Do những người này nhận thức ăn từ việc ông C đặt hàng của Công ty và họ có nộp tiền cho Công ty là trả tiền thay cho ông C; những người này không liên quan gì đến Công ty VA, nên Công ty VA không yêu cầu gì đối với những người này. Trong số tiền mà ông C còn nợ Công ty là 6.244.875.000đ, ông Phạm Văn T5 đã trả thay cho ông C là 2.328.961.000đ.

Nay Công ty VA xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông C số tiền trong 04 chứng từ mang tên Đào Kim C4 số tiền nợ 196.500.000đ, Công ty cổ phần NB số tiền nợ 64.000.000đ, Nguyễn Văn V số tiền nợ 508.524.000đ, Lâm Văn H3 số tiền nợ 1.850.750.000đ; tổng số tiền là 2.619.774.000đ, là do chưa tìm được địa chỉ cụ thể của những người trong các chứng từ này, khi nào xác minh tìm được địa chỉ cụ thể thì Công ty VA sẽ khởi kiện lại sau thành một vụ án khác và Công ty rút yêu cầu số tiền 2.328.961.000đ mà ông Phạm Văn T5

đã trả thay ông C. Nay Công ty VA yêu cầu ông C phải có nghĩa vụ trả nợ tiền mua thức ăn cho Công ty VA là 1.296.140.000đ, không yêu cầu lãi suất.

- Bị đơn ông Nguyễn Hùng C trình bày: Trước đây vào năm 2007, anh Huỳnh Văn N3 (Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần VA) có giao cho ông một chiếc ghe vận tải 45 tấn để hưởng tiền vận chuyển thức ăn thủy sản, cho những người nuôi cá với giá là 35.000đ/tấn (ở địa bàn Lai Vung) 70.000đ/tấn (ở tỉnh Vĩnh Long). Quá trình giao dịch, do ghe là của anh N3 giao cho ông quản lý và ông trực tiếp ghi sổ quản lý theo dõi nên khi ghe đến nhận hàng và khi thanh toán tiền bán hàng đều ghi tên ông. Việc ông ký xác nhận nợ với Công ty VA ngày 31/12/2010 với số nợ 6.544.875.000đ và xác nhận nợ 6.444.875.000đ trên của Công ty VA là theo yêu cầu của Công ty kêu ông ký với mục đích là để Công ty kiểm toán và cũng để xác nhận ghe của ông đang quản lý có nhận hàng của Công ty VA để giao cho các khách hàng ở huyện LV1 và tỉnh Vĩnh Long. Sau đó ông và đại diện của Công ty cùng đi đến nhà anh P1 là cháu ruột của ông Phạm Văn T5 (Công ty TP thuộc KDC Khóm 4, thị trấn LV1) nhận 200.000.000đ và ông cùng đại diện của Công ty VA đến nhận 100.000.000đ tại Công ty lương thực MB do Công ty lương thực MB thuê ao nuôi cá của ông T5. Việc làm ăn, mua bán, giới thiệu người mua thức ăn thủy sản của Công ty VA là do lãnh đạo Công ty VA lúc đó có hứa hẹn sau khi thu hồi xong nợ ông sẽ được hưởng hoa hồng trên đầu tấn thức ăn, nhưng cho đến nay ông chưa được hưởng lợi gì, vì số nợ hiện nay chưa được thu hồi xong. Ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Công ty VA, mà việc trả nợ là của những người nuôi cá như ông đã nài ra trong danh sách gồm: Phạm Văn T5, Võ Ngọc H2, Nguyễn Thành Đ, Lê Xuân L1, Huỳnh Nguyễn Bạch T7, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn L, Lê Văn C2, Ngô Minh T4, Nguyễn Văn L4, Nguyễn Văn H, Đặng Ngọc X, Dương Thị Thanh K1, Nguyễn Văn N, Võ Văn Đ1, Nguyễn Phước N2, Nguyễn Văn N1, Ngô Minh N, Ngô Minh C1, Phạm Thị T1, Nguyễn Ngọc T2, Công ty NB, Công ty QC, Nguyễn Văn V, Đào Kim C4, Lâm Văn H3 (Hòa), Lâm Văn T6. Vì những người này trực tiếp ký nhận mua thức ăn thủy sản với Công ty VA và nợ số tiền trên của Công ty VA. Nay ông không đồng ý trả 1.296.140.000đ cho Công ty VA, chỉ đồng ý trả 313.490.000đ.

Ông C rút yêu cầu phản tố về việc yêu cầu Công ty VA trả 3.602.424.000đ cho ông (trong 06 chứng từ hóa đơn mang tên Công ty NB, Công ty QC, Nguyễn Văn V, Đào Kim C4, Lâm Văn H3 (Hòa), Lâm Văn T6).

Ông C rút yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu nhóm hùn của ông Phạm Văn T6 như: Phạm Văn T6, Lê Xuân L1, Võ Ngọc H2, Nguyễn Thành Đ và Huỳnh Nguyễn Bạch T7 trả 3.176.768.000đ cho ông; nhưng ông yêu cầu ông Võ Ngọc H2 trả tiền lãi suất của số tiền vốn 705.948.444đ trong số tiền tỷ lệ phần hùn vốn của nhóm ông T5, lãi 1.25% tính từ ngày 23/12/2008 đến ngày 25/01/2019 là 1.083.925.007đ (tại phiên tòa ông yêu cầu và theo tờ trình ngày 21/10/2019).

Ông C yêu cầu ông Phạm Văn T5 trả phần nợ riêng mà ông T5 mua thức ăn cho cá còn nợ lại là 113.490.000đ, không yêu cầu lãi suất.

Ông C không yêu cầu gì đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này.

Ông C tự nguyện chịu lệ phí thông báo về việc tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú là 2.850.000đ theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0040017, ngày 13/4/2018 và phiếu thu số 090412, ngày 09/4/2018.

- Ông Nguyễn Văn H1 trình bày: Trong vụ án này ông không có nợ gì, ông là người chở, chạy ghe mướn cho ông C, ông có giao nhận thức ăn thủy sản của Công ty VA và có khi ông C kêu ông đi nhận thức ăn rồi giao cho ông T5, ông C1, ông Đ, ông N1 nói chung những người liên quan trong vụ án.

- Ông Nguyễn Thành Đ trình bày: Từ trước đến nay ông không có mua thức ăn thủy sản gì của Công ty VA, nhưng có mua thức ăn của đại lý ông Nguyễn Hùng C, lúc đầu ông không hùn nuôi cá, nhưng sau này ông Nguyễn Văn P giao cổ phần hùn qua ông, ông mới hùn nuôi cá với các ông như ông H2, ông L1, ông T5, ông T7, trong quá trình nuôi cá cho đến hôm nay chúng tôi còn nợ ông C số tiền mà không biết còn nợ bao nhiêu, vì hiện nay không còn giấy tờ gì để đối chiếu công nợ, ông đồng ý trả trên tỷ lệ phần hùn của ông là 02 phần, ông Tổng 02 phần, ông H2 02 phần, ông L1 01 phần, ông T7 02 phần.

- Ông Lê Xuân L1 trình bày: Ông Nguyễn Hùng C chứng minh được ông có nợ, thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả ông C theo quy định, riêng đối với việc xét xử ông bận công việc, ông không thể tham gia được và ông xin vắng mặt tất cả các phiên tòa, ông không khiếu nại gì. Ngày 20/7/2018 ông L1 tự nộp số tiền 300.000.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1 theo biên lai số 05121, ngày 20/7/2018.

- Ông Võ Ngọc H2 trình bày: Ông có nhận thông báo thụ lý vụ án số 209/TB-TLVA ngày 19/11/2015 của Tòa án huyện LV1, ông không mua thức ăn của Công ty VA và cũng không mua thức ăn của ông Nguyễn Hùng C, nhưng ông có góp vốn nuôi cá với ông T5, ông Đ và ông T5 cũng có vùng nuôi riêng, việc ông T5 có hợp đồng mua thức ăn của Công ty VA hay của ông C hay không thì ông không rõ, nếu có phát sinh nợ trong phần hùn thì ông T5 có quyền sử dụng tài sản mà ông T5 đang quản lý để thanh toán, ông chịu trách nhiệm trả theo tỷ lệ góp vốn nếu ông T5 yêu cầu. Riêng ông C chứng minh được ông có nợ, thì ông hoàn toàn chịu trách nhiệm trả ông C theo quy định, đối với việc xét xử ông bận công việc, ông không thể tham gia được, nên xin vắng mặt tất cả các phiên tòa, ông không khiếu nại gì.

- Ông Phạm Văn T5 trình bày: Nhóm hùn nuôi cá gồm có ông 02 phần, ông H2 02 phần, ông Đ 01 phần, ông L1 01 phần, ông P 01 phần, ông T7 02 phần, nhưng về sau phần hùn của ông P đã giao lại cho ông Đ, vậy hiện nay ông

Đ là 02 phần hùn, nhóm hùn này cử ông là người đại diện đứng ra ký hợp đồng với Công ty VA, ông có ký hợp đồng mua bán thức ăn với Công ty VA (hiện nay hợp đồng này ông không biết ở đâu, ông không có giữ và từ khi ký hợp đồng cho đến nay Công ty VA không nói gì đến hợp đồng), từ khi ký hợp đồng với Công ty VA ông không nhận thức ăn của Công ty, ông Nguyễn Hùng C có chào hàng thức ăn thủy sản ông đồng ý mua, rồi ông chỉ điện thoại cho ông C mua thức ăn là từ chỗ ông C chuyển hàng cho ông, ngoài ra không ký hợp đồng nào với ông C và cũng không có ký hóa đơn chứng từ nào với Công ty VA, nhóm hùn của ông nợ 3.176.768.000đ của ông C, hiện nay đã thanh toán xong với ông C.

Phần nợ riêng của ông, ông với ông C có chốt nợ là 1.113.490.000đ theo tờ thỏa thuận ngày 03/01/2019, ông có xin giảm 113.490.000đ do nuôi cá lồ, ông C đồng ý và sẽ báo lại Công ty VA giảm, nếu Công ty không đồng ý, ông C sẽ bù cho ông. Công ty VA không đồng ý giảm 113.490.000đ, mà Công ty giảm riêng cho ông 300.000.000đ; ông đi trả thay cho ông C tại Công ty VA 800.000.000đ ngày 09/01/2019, trả xong ông về có nói lại cho ông C nghe là Công ty VA không giảm 113.490.000đ mà chỉ giảm riêng cho ông 300.000.000đ, ông C làm giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2019 nội dung là cá nhân ông T5 nợ 1.000.000.000đ đã trả 800.000.000đ, còn nợ lại 200.000.000đ và ông T5 có thể chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 03/4/2019 ông T5 đã trả phần nợ của ông trong phần nhóm hùn 146.000.000đ và phần nợ riêng 200.000.000đ cho ông C và đã nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông đã thế chấp, như vậy ông đã thanh toán xong không còn nợ gì với ông C. Nay không đồng ý trả 113.490.000đ cho ông C.

- Ông Huỳnh Nguyễn Bạch T7 trình bày: Công ty VA yêu cầu ông C trả tiền nợ thức ăn, ông C đòi nợ những người khác là hoàn toàn độc lập, không liên quan gì với nhau, việc đưa nội dung này vào vụ án chỉ làm phức tạp thêm và kéo dài thời gian giải quyết vụ án của Tòa án và điều này cũng trái quy định pháp luật, hiện có nhiều đối tượng mua cá của chúng tôi vẫn chưa thanh toán đầy đủ cho chúng tôi, nếu cách giải quyết như vậy thì làm vụ án không có điểm dừng và số người liên quan có thể lên tới hàng trăm, thậm chí hàng nghìn người. Chúng tôi đề nghị xem xét đình chỉ về việc yêu cầu của ông C đối với những người liên quan trong nhóm hùn chúng tôi, chúng tôi sẵn sàng tham gia giải quyết trong vụ án khác nếu ông C khởi kiện.

- Ông Nguyễn Văn P trình bày: Từ trước đến nay ông không có mua thức ăn gì của Công ty VA, ông có hùn nuôi cá chung với ông T5 và các anh em khác, nhưng do điều kiện công tác xa từ huyện điều về tỉnh nên ông không tham gia nuôi nữa và bán phần hùn lại cho ông Nguyễn Thành Đ với số tiền 300.000.000đ vào ngày 30/4/2008, kể từ đó ông không còn trách nhiệm nợ và các quyền lợi, trách nhiệm khác trong trại cá, ông không liên quan gì trong vụ án này.



- Ông Ngô Minh C1 trình bày: Do chỗ quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu ông mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán thông qua ông C, có khi ông trực tiếp đến nhận hàng tại Công ty, giao tiền cho ông C trả cho Công ty, có khi ông trực tiếp trả tiền cho Công ty, nhưng tất cả các phiếu mua hàng, trả tiền đều ghi tên C. Việc ông C có được hưởng lợi gì không thì ông không biết. Ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn là 8.000.000đ, Ông chấp nhận trả cho Công ty VA hay anh C cũng được, nhưng yêu cầu được xin xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Nguyễn Văn H trình bày: Do chỗ quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu ông mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán thông qua ông C và ông mua của Công ty chỉ có 01 tấn thức ăn, nhưng tất cả các phiếu mua hàng, trả tiền đều ghi tên C. Việc ông C có được hưởng lợi gì không thì ông không biết. Ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty là 7.500.000đ, nhưng yêu cầu được xin xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Ngô Minh T4 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán thông qua ông C, có khi trực tiếp đến nhận hàng tại Công ty, giao tiền cho ông C trả cho Công ty, có khi trực tiếp trả tiền cho Công ty, nhưng tất cả các phiếu mua hàng, trả tiền đều ghi tên C. Việc ông C có được hưởng lợi gì không thì ông không biết. Mua 59 tấn thức ăn, ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn khoảng 100.000.000đ, ông chấp nhận trả cho Công ty VA hay ông C cũng được, nhưng yêu cầu được xin giảm nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Bà Phạm Thị T1 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu thức ăn của Công ty VA, bà đồng ý mua tại đại lý của ông C, bà không giao dịch hay mua thức ăn của Công ty VA, tổng cộng mua thức ăn của ông C là 370 tấn với số tiền nợ là 2.923.000.000đ bà đã trả dần chỉ còn nợ 63.000.000đ lý do không trả nữa là do thức ăn kém chất lượng, bà có yêu cầu giảm 63.000.000đ này; Tòa án LV1 mời bà đến giải quyết trong vụ án này, bà không đi được trong khi đó ông C thì không giảm số tiền 63.000.000đ do thức ăn kém chất lượng, bà đã trả 63.000.000đ trực tiếp cho ông C vào khoảng tháng 3 hay tháng 4 năm 2016 bà không nhớ rõ và không có làm giấy hay biên nhận gì đã trả.

- Ông Lê Ngọc M trình bày: Ông là Giám đốc Công ty TNHH MTV QC, hiện nay Công ty ông tạm ngừng hoạt động; từ trước và sau năm 2009 đến nay Công ty ông không mua thức ăn của Công ty VA hay của ông C nào cả và ông cũng không biết, Công ty ông chỉ có mua thức ăn của Công ty VT, Công ty VĐ và Công ty Domifish. Công ty của ông từ trước đến nay không có ai tên Nguyễn Thái H8, Công ty ông không liên quan gì trong vụ án này.

- Ông Huỳnh Văn N4 trình bày: Trước đây ông là Giám đốc Công ty cổ phần VA, hiện nay ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Năm

2007 đến năm 2009 Công ty có bán thức ăn cho cá cho ông C để ông C bán lại cho khách hàng hưởng tiền chênh lệch, nên ông C có ký xác nhận nợ với Công ty VA, Công ty có giao ghe cho ông C mượn để chở thức ăn, chứ ông C không hưởng tiền vận chuyển của Công ty. Hiện nay ông C là người còn nợ tiền mua thức ăn của Công ty VA.

- Ông Nguyễn Văn C3 trình bày: Trước đây ông là Phó Giám đốc Công ty cổ phần VA, hiện nay ông đã nghỉ làm cho Công ty, ông đã làm Công ty riêng. Thời điểm còn làm cho Công ty VA ông C có mua thức ăn trực tiếp của Công ty và cũng có giới thiệu một số khách hàng mua thức ăn, nhưng tất cả đều do ông C trực tiếp thanh toán tiền với Công ty, có một số chứng từ là do khách hàng nhận thức ăn trực tiếp với Công ty rồi cũng có ông C nhận thức ăn của Công ty về giao lại khách hàng rồi đưa chứng từ cho khách hàng ký vào, cũng có một số chứng từ ông không nhớ rõ tên gì ông C tự kê Công ty ghi tên khách hàng vào chứng từ, Công ty có ghi theo yêu cầu của ông C, Công ty có hỗ trợ giao cho ông C một ghe để chở thức ăn cho khách hàng của ông C quản lý.

- Bà Đào Kim T1 trình bày: Trước đây bà có mua thức ăn của Công ty VA, nhưng không nhớ rõ ngày tháng năm nào, mua số lượng bao nhiêu cũng không nhớ, hiện nay thì bà không có mua nữa, khi bà mua thức ăn là đã thanh toán xong với ông N4, bà chỉ có một tên Đào Kim T1 còn tên Đào Kim C4 bà không biết, từ trước đến giờ bà không mua thức ăn của ông C.

- Ông Nguyễn Văn T3 (Lắm) trình bày: Từ trước đến giờ ông không trực tiếp mua thức ăn của Công ty VA mà có mua thức ăn của ông C, hiện nay ông đã thanh toán xong không nợ gì đối với ông C, hình thức thanh toán ông nhận thức ăn là trả tiền liền có khi ông không ở nhà thì người nhà nhận thức ăn rồi thiếu vài ngày sau ông cũng thanh toán xong, khi mua thức ăn và thanh toán tiền với ông C là không có hóa đơn hay chứng từ gì và cũng không ký vào hóa đơn hay chứng từ nào cả.

- Ông Nguyễn Ngọc T2 trình bày: Do chỗ quen biết với anh C, nên anh C giới thiệu ông mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán thông qua anh C và ông mua của Công ty trên 400 tấn thức ăn, nhưng tất cả các phiếu mua hàng, trả tiền đều ghi tên C. Việc C có được hưởng lợi gì không thì ông không biết. Hiện tại ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty là 430.000.000đ, nhưng yêu cầu được xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng, nếu Tòa án xét xử buộc ông trả 430.000.000đ thì ông đồng ý trả cho Công ty VA.

- Ông Ngô Minh N trình bày: Ông có mua thức ăn và hiện còn thiếu tiền mua thức ăn của ông C, nhưng nay ông không nhớ mua số lượng và còn nợ bao nhiêu tiền. Ông yêu cầu được xin xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Nguyễn Văn N1 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán thông qua ông C, có khi trực tiếp đến nhận hàng tại Công ty, giao tiền cho ông C trả cho Công ty, có khi trực tiếp trả tiền cho Công ty, nhưng tất cả các phiếu mua hàng trả tiền đều ghi tên C, hiện tại ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn 20.000.000đ. Đối với số nợ trên ông yêu cầu được xin xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Nguyễn Phước N2 trình bày: Do chỗ quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu ông mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, cách thức mua bán là trực tiếp đến nhận 1.400.000kg thức ăn tại Công ty, đến nay chưa thanh toán tiền. Ông C có được hưởng lợi gì không ông không biết. Ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn khoảng 10.000.000đ, ông chấp nhận trả cho Công ty VA hay anh C cũng được, nhưng yêu cầu được xin xóa nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Bà Dương Thị Thanh K1 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, tổng cộng hiện tại bà còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty khoảng 74.000.000đ. Bà yêu cầu được xin giảm nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Đặng Ngọc X trình bày: Do chỗ quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu ông mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, ông C điện thoại cho Công ty trước rồi sau đó ông đến nhận hàng tại Công ty và giao tiền cho ông C trả cho Công ty, tất cả các phiếu mua hàng trả tiền đều ghi tên C nhưng có mở ngoặc ra ghi (Bá X). Việc ông C có được hưởng lợi gì không thì ông không biết. Ông đã mua 100 tấn thức ăn, ông đã đưa cho ông Cường 490.000.000đ để trả cho Công ty VA. Hiện tại ông thừa nhận còn thiếu tiền mua thức ăn khoảng 150.000.000đ, ông chấp nhận trả cho Công ty VA hay ông C cũng được, nhưng yêu cầu được xin giảm nợ vì nuôi cá bị lỗ, do thức ăn kém chất lượng.

- Ông Lê Văn C2 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, tổng cộng hiện tại ông còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty khoảng 16.319.960đ. Ông đồng ý trả số tiền này cho Công ty.

- Ông Nguyễn Văn K2 trình bày: Do quen biết với ông C, nên ông C giới thiệu mua thức ăn thủy sản của Công ty VA, tổng cộng hiện tại ông còn thiếu tiền mua thức ăn của Công ty khoảng 600.000.000đ. Ông yêu cầu được gặp lãnh đạo Công ty để giải quyết nợ nần, vì thức ăn của Công ty bán cho ông kém chất lượng.

- Ông Lâm Văn T6 trình bày: Từ chỗ quen biết ông C, ông có mua thức ăn của ông C, ông C lấy thức ăn của Công ty VA rồi giao cho ông, ông thừa nhận có ký vào các chứng từ của Công ty VA do ông C đưa, ông không giao

dịch và cũng không biết gì với Công ty VA, khi mua thức ăn là trả tiền cho ông C, hiện nay ông đã thanh toán xong không còn thiếu gì đối với ông C.

- Ông Nguyễn Văn L trình bày: Do quen biết với ông C, ông có mua thức ăn của ông C, ông C lấy thức ăn của Công ty VA rồi giao cho ông, ông chỉ giao dịch mua bán với ông C, hiện nay ông đã thanh toán xong với ông C không còn nợ gì cả, ngoài ra ông không giao dịch và cũng không nợ gì của Công ty.

- Ông Nguyễn Văn S1 trình bày: Từ trước đến nay ông không thành lập Công ty nào là Công ty cổ phần NB, ông là chủ Doanh nghiệp tư nhân Mai Xuân T10 thành lập ngày 15/10/2013, ông có mua thức ăn của Công ty VA thời điểm ông Huỳnh Văn N4 làm chủ, ông không nhớ mua số lượng bao nhiêu kg nhưng mua số lượng rất lớn, tiền ông đã trả khoảng mấy trăm triệu, hiện nay ông đã thanh toán xong với Công ty không nợ gì cả, lúc mua thức ăn của Công ty là ông điện Công ty rồi Công ty điều ghe chở thức ăn cho ông, người ở dưới ghe ký nhận thức ăn với Công ty VA, ông không ký nhận gì với Công ty.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 83/2019/DSST ngày 21/10/2019 của Tòa án huyện LV1 tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần VA.

- Buộc ông Nguyễn Hùng C trả cho Công ty cổ phần VA số tiền mua thức ăn thủy sản là 1.296.140.000đ (một tỷ hai trăm chín sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C.

- Buộc ông Phạm Văn T5 trả cho ông Nguyễn Hùng C số tiền còn nợ mua thức ăn thủy sản là 113.490.000đ (một trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần VA về việc yêu cầu ông Nguyễn Hùng C trả số tiền 4.948.735.000đ.

4. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C về việc yêu cầu nhóm hùn của ông Phạm Văn T5 là các ông Phạm Văn T5, Võ Ngọc H2, Lê Xuân L1, Nguyễn Thành Đ, Huỳnh Nguyễn Bạch T7 trả số tiền 3.176.768.000đ.

5. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hùng C về việc yêu cầu trong 06 chứng từ mà Công ty cổ phần VA trả số tiền 3.602.424.000đ.

6. Trả lại cho ông Lê Xuân L1 số tiền 300.000.000đ theo biên lai số 05121, ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

7. Về lệ phí: Ông Nguyễn Hùng C tự nguyện chịu 2.850.000đ theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0040017, ngày 13/4/2018 và phiếu thu số 090412, ngày 09/4/2018 (ông C đã nộp xong).

8. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hùng C phải chịu 50.884.200đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào việc hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hùng C vào số tiền 52.024.240đ mà ông đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05794, ngày 29/7/2016 và số tiền 56.145.000đ mà ông đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002496, ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp; như vậy ông Nguyễn Hùng C được nhận lại 57.285.040đ.

- Ông Phạm Văn T5 phải chịu 5.674.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty cổ phần VA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty cổ phần VA số tiền 57.122.000đ, đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 003781, ngày 29/8/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người bị thi hành án chậm trả thì hàng tháng người bị thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm trả nợ cho đến khi thi trả xong.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo và thời hạn theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/11/2019 ông C có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, ông yêu cầu xem xét lại số tiền mà ông phải trả cho Công ty VA 1.296.140.000đ, số tiền 300 triệu của ông L1 và buộc ông H2 phải trả tiền lãi trên số nợ gốc 705.948.444đ với lãi suất 1,25%/tháng tính từ ngày 23/12/2008 đến 25/01/2019 số tiền là 1.083.925.007đ.

- Ngày 31/10/2019 Viện trưởng Viện kiểm sát huyện LV1 kháng nghị số 43/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị một phần bản án sơ thẩm đối với số tiền 113.490.000đ mà án sơ thẩm buộc ông T5 phải trả là chưa phù hợp.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông C vẫn giữ yêu cầu kháng cáo.

Viện kiểm sát vẫn giữ kháng nghị.

- Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện LV1, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả số tiền 113.490.000đ mà án sơ thẩm buộc ông T5 phải trả cho ông C.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Sau khi án sơ thẩm xử, ông Nguyễn Hùng C có đơn kháng cáo không đồng ý một phần bản án sơ thẩm. Xét yêu cầu kháng cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Công ty VA yêu cầu ông C trả tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ là 6.244.875.000đ, ông T5 đứng ra trả thay cho ông C 2.328.961.000đ + 04 chứng từ Công ty rút yêu cầu là 2.619.774.000đ (gồm: Bà C4 196.500.000đ; Công ty NB 64.000.000đ; ông V 508.524.000đ; ông H3 1.850.750.00đ), số tiền còn lại 1.296.140.000đ (6.244.875.000 – 4.948.735.000đ, án sơ thẩm buộc ông C có trách nhiệm trả cho Công ty là có căn cứ.

Ông C cho rằng ông là người giới thiệu người mua thức ăn để được hưởng huê hồng trên đầu tấn thức ăn, nhưng ông chưa được hưởng lợi gì, vì số nợ hiện nay chưa được thu hồi xong, ông không yêu cầu tiền hưởng huê hồng; ông không đồng ý trả nợ theo yêu cầu của Công ty VA, việc trả nợ là của những người nuôi cá như Phạm Văn T5, Võ Ngọc H2, Nguyễn Thành Đ, Lê Xuân L1, Huỳnh Nguyễn Bạch T7, Nguyễn Văn K2, Nguyễn Văn L, Lê Văn C2, Ngô Minh T4, Nguyễn Văn L4, Nguyễn Văn H1, Đặng Ngọc X, Dương Thị Thanh K1, Nguyễn Văn N, Võ Văn Đ1, Nguyễn Phước N2, Nguyễn Văn N1, Ngô Minh N, Ngô Minh C1, Phạm Thị T1, Nguyễn Ngọc T2, Công ty NB, Công ty QC, Nguyễn Văn V, Đào Kim C4, Lâm Văn H3 (Hòa), Lâm Văn T6.

Chứng cứ Công ty VA cung cấp trong quá trình mua bán tổng cộng ông C đã mua thức ăn của Công ty là 2.551.220kg, tổng giá trị thành tiền là 19.515.028.000đ, từ ngày 02/4/2008 đến ngày 31/12/2010 ông C đã thanh toán cho Công ty tổng cộng được 12.970.153.000đ, theo thư xác nhận nợ ngày 31/12/2010 ông C còn nợ Công ty VA 6.544.875.000đ, đến ngày 23/02/2011 ông C thanh toán cho Công ty VA 100.000.000đ.

Theo bảng đối chiếu công nợ chi tiết từ ngày 01/4/2011 đến 30/4/2011 số tiền ông C ký nhận nợ là 6.444.875.000đ. Đến ngày 20/5/2011 ông C thanh toán thêm cho Công ty VA 200.000.000đ. Tổng cộng ông C đã thanh toán cho Công ty 13.270.153.000đ, ông C còn nợ lại Công ty VA tổng cộng số tiền 6.244.875.000đ.

Qua 06 lần đối chiếu công nợ ông C đều thừa nhận có đối chiếu và có ký tên vào công nợ, việc ký xác nhận nợ với Công ty VA ông C cho rằng là theo

yêu cầu của Công ty VA kêu ông ký với mục đích là để Công ty kiểm toán và cũng để xác nhận ghe do ông quản lý có nhận hàng của Công ty, nhưng ông không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của ông. Công ty VA có đưa ra chứng cứ giấy đề nghị xuất hóa đơn tài chính của ông C nhưng ông C không thừa nhận chữ ký, chữ viết họ và tên Nguyễn Hùng C trong giấy đề nghị và ông cũng không yêu cầu giám định là ông tự từ bỏ quyền phản bác của mình đối với chứng cứ của Công ty VA đưa ra. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty VA và buộc ông C có nghĩa vụ trả lại số tiền còn nợ trên phù hợp quy định pháp luật.

[2] Việc rút một phần yêu cầu của Công ty VA đối với số tiền trong 04 chứng từ mang tên Đào Kim C4 số tiền nợ 196.500.000đ, Công ty cổ phần NB số tiền nợ 64.000.000đ, Nguyễn Văn V số tiền nợ 508.524.000đ, Lâm Văn H3 (Hòa) số tiền nợ 1.850.750.000đ; tổng số tiền là 2.619.774.000đ, án sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[3] Việc ông C rút một phần yêu cầu độc lập với nhóm hùn của ông Tổng gồm: Phạm Văn T6, Võ Ngọc H2, Lê Xuân L1, Nguyễn Thành Đ, Huỳnh Nguyễn Bạch T7 cùng trả 1.528.961.000đ và ông C cũng rút yêu cầu phản tố đối với Công ty VA trả tiền dư lại cho ông 3.602.424.000đ, việc rút yêu cầu trên của ông C là tự nguyện nên án sơ thẩm đình chỉ là có căn cứ.

[4] Đối với yêu cầu của ông C yêu cầu ông H2 trả cho ông số tiền lãi trên số nợ gốc 705.948.444đ với lãi suất 1,25%/tháng tính từ ngày 23/12/2008 đến 25/01/2019 số tiền là 1.083.925.007đ là phần tiền ông H2 còn nợ và từ khi khởi kiện từ năm 2015 ông C cũng không xác định được số tiền này tương ứng với các chứng từ nào trong quá trình giải quyết cũng như qua các lần hòa giải ở cấp sơ thẩm, ông C cũng không yêu cầu ông H2 trả số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 705.948.444đ mà ông H còn nợ lại ông, nay ông C yêu cầu ông H2 phải trả tiền lãi trên số tiền gốc 705.948.444đ trong vụ án này là chưa phù hợp, nên án sơ thẩm không xem xét là có căn cứ.

[5] Đối với số tiền của ông Lê Xuân L1 đã nộp 300.000.000đ tại C4 cục thi hành án dân sự huyện LV1 ngày 20/7/2018, tại phiên tòa sơ thẩm do ông C không yêu cầu gì đối với nghĩa vụ trả nợ của ông L1, nên án sơ thẩm hoàn trả lại cho ông L1 là có căn cứ.

[6] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận phần yêu cầu độc lập của ông C yêu cầu ông T5 trả phần nợ riêng cho ông là 113.490.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông T5, ông C có làm tờ thỏa thuận ngày 03/01/2019 nội dung là ông T5 nợ ông C tiền mua thức ăn 1.113.490.000đ, ông T5 xin giảm 113.490.000đ, ông C đồng ý và hứa sẽ báo với Công ty VA, nếu Công ty không giảm ông C sẽ bù cho ông T5; ngày 09/01/2019 ông T5 đến Công ty VA trả thay cho ông C

800.000.000đ (trong đó Công ty VA giảm cho ông T5 300.000.000đ, ghi nhận trả là 800.000.000đ, nhưng thực tế ông T5 chỉ nộp 500.000.000đ) khi trả xong ông T5 về có báo cho ông C biết là Công ty VA không giảm 113.490.000đ mà giảm riêng cho ông là 300.000.000đ, còn ông C cho rằng ông T5 đi trả nợ cho Công ty cổ phần VA về chỉ có nói Công ty VA không giảm 113.490.000đ, nên ông C mới làm giấy xác nhận nợ ngày 25/01/2019, ra đến phiên tòa ngày 30/8/2019 ông Tổng mới nói Công ty có giảm cho ông 300.000.000đ; theo tờ thỏa thuận ngày 03/01/2019 trong nội dung thỏa thuận là có điều kiện nếu Công ty VA không giảm thì ông C sẽ bù cho ông T5 số tiền này, nhưng thực tế Công ty có giảm cho ông T5 300.000.000đ mà việc này ông T5 cũng thừa nhận là Công ty có giảm cho ông 300.000.000đ. Do đó, án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông C là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện LV1.

Từ những phân tích trên, xét án sơ thẩm xử là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện LV1, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát huyện LV1, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả số tiền 113.490.000đ mà án sơ thẩm buộc ông T5 phải trả cho ông C, sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ không trả tiền của ông T5. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp một phần đối với việc không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông C, về nghĩa vụ trả nợ của ông Tổng đối với ông C, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát.

Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 428; Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 quy định án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:



1. Không chấp nhận đơn kháng cáo của ông Nguyễn Hùng C.
2. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị số 43/QĐKNPT-VKS-DS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện LV1.
3. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 83/2019/DS-ST ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện LV1.
4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần VA.
  - Buộc ông Nguyễn Hùng C trả cho Công ty cổ phần VA số tiền mua thức ăn thủy sản còn nợ là 1.296.140.000đ (một tỷ hai trăm chín sáu triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C.
  - Buộc ông Phạm Văn Tổng trả cho ông Nguyễn Hùng C số tiền còn nợ mua thức ăn thủy sản là 113.490.000đ (một trăm mười ba triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng).
6. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần VA về việc yêu cầu ông Nguyễn Hùng C trả số tiền 4.948.735.000đ.
7. Đình chỉ giải quyết phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hùng C về việc yêu cầu nhóm hùn của ông Phạm Văn T5 là các ông Phạm Văn T5, Võ Ngọc H2, Lê Xuân L1, Nguyễn Thành Đ, Huỳnh Nguyễn Bạch T7 trả số tiền 3.176.768.000đ.
8. Đình chỉ giải quyết yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hùng C về việc yêu cầu trong 06 chứng từ mà Công ty cổ phần VA trả số tiền 3.602.424.000đ.
9. Trả lại cho ông Lê Xuân L1 số tiền 300.000.000đ theo biên lai số 05121, ngày 20/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.
10. Về lệ phí: Ông Nguyễn Hùng C tự nguyện chịu 2.850.000đ theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0040017, ngày 13/4/2018 và phiếu thu số 090412, ngày 09/4/2018 (ông C đã tạm ứng và chi xong).
11. Về án phí dân sự sơ thẩm:
  - Ông Nguyễn Hùng C phải chịu 50.884.200đ án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào việc hoàn trả lại cho ông Nguyễn Hùng C vào số tiền 52.024.240đ mà ông đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 05794, ngày 29/7/2016 và số tiền 56.145.000đ mà ông đã tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002496, ngày 22/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp; như vậy ông Nguyễn Hùng C được nhận lại 57.285.040đ.
  - Ông Phạm Văn T5 phải chịu 5.674.500đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Công ty cổ phần VA không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty cổ phần VA số tiền 57.122.000đ, đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 003781, ngày 29/8/2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện LV1, tỉnh Đồng Tháp.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

12. Án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Hùng C phải chịu 300.000đ tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo biên lai thu số 0001879 ngày 11/11/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV (ông C đã nộp xong án phí).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV1;
- TAND huyện LV1;
- Phòng KTNV- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Phước Hội**